

"ĐÔNG DU TRUNG QUỐC - VIỆT NAM" MỘT HIỆN TƯỢNG LỊCH SỬ KHU VỰC THỜI CẬN ĐẠI

NGUYỄN VĂN HỒNG*

Có lẽ cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng thì chỉ có Trung Quốc và Việt Nam là có hiện tượng Đông du lịch sử. Trong nội dung lịch sử Việt Nam có cả một phần viết về Phong trào Đông du từ năm 1905 đến năm 1908. Thời gian chỉ có từ tháng 12/1905 nếu tính từ khi Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ lên đường sang Nhật (ta có thể gọi là Phan_Đặng_Tăng Đông du) đến tháng 10/1908 Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật do chính phủ Nhật Bản bắt tay Pháp, ký hiệp ước vào năm 1907 là chấm dứt¹.

Còn Đông du của Trung Quốc đã xuất hiện trước năm 1894 - 1895, trước khi Trung Quốc bị Nhật Bản đánh bại ở chiến tranh Triều Tiên. Sức hấp dẫn của Nhật Bản đối với Trung Quốc có lẽ ươm mầm từ sớm vào những năm 70 thế kỷ XIX từ những cuộc tranh chấp các đảo ở chung quanh Đài Loan sau Nhật Bản Duy Tân.

Nhật Bản với cuộc chuyển mình tạo lực Duy Tân Minh Trị đã làm cho Trung Quốc quan tâm, nhất là tầng lớp trí thức, quan lại thức thời đang trăn trở

trước số phận Trung Quốc sau chiến tranh thuốc phiện với điều ước Nam Kinh (1840 - 1842). Thời gian Đông du của Trung Quốc kéo dài đến tận thời kỳ vận động Cách mạng Tân Hợi 1911 và còn cả một vĩ thanh². Các nhà nghiên cứu quan hệ Trung Quốc - Nhật Bản đã và còn đang tìm kiếm tư liệu về các cuộc Đông du của các nhân vật lịch sử Trung Quốc qua những trang ghi chép hành trình nhật ký đăng tải hiện một bức tranh lịch sử của khuynh hướng giao lưu văn hoá đảo chiều trong quan hệ giao lưu văn hoá Trung Quốc - Nhật Bản.

Bài viết của chúng tôi nhằm tìm hiểu những đặc điểm của hai hiện tượng lịch sử Đông du Trung Quốc và Đông du Việt Nam.

I. ĐÔNG DU MỘT HIỆN TƯỢNG LỊCH SỬ KHU VỰC ĐÔNG Á CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU KỶ XX

Đông du là một hiện tượng lịch sử, một khuynh hướng xuất hiện ở Trung Quốc và Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nó là một hiện tượng yêu

* PGS. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

nước tìm đường phát triển tự cường. Đứng trước sự xâm lược và nô dịch của đế quốc thực dân phương Tây những con người lịch sử của hai quốc gia này nhận thức được sự yếu kém của mình, và hiểu ra con đường đi của Nhật Bản, cách học phương Tây của Nhật Bản là cách học có hiệu quả để đạt được mục đích "phú quốc cường binh".

Người Nhật Bản với khẩu hiệu "Học phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt phương Tây" ³ đã bằng sự lớn dậy của mình, vượt lên tiến vào cuộc đua tranh với thế giới.

Như ta biết các nước Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản vào giữa thế kỷ XIX đều thi hành chính sách đóng cửa. Các đế quốc phương Tây dùng sức mạnh buộc các quốc gia này mở cửa. Nhưng rõ ràng các quốc gia châu Á đã nhận thức việc buộc phải mở cửa này khác nhau và tạo nên những hệ quả khác nhau

Trung Quốc sau năm 1842 với hiệp ước Nam Kinh phải chấp nhận mở cửa. Với thái độ bị động, cam chịu, chủ quan, bảo thủ không nhận thức hết mình làm cho ngay cả cái khát vọng của giai cấp phong kiến nắm quyền lãnh đạo dân tộc có nhận thức muốn "Tôn người phương Tây làm thầy khoa học kỹ thuật để chế ngự người phương Tây" ⁴ cũng không thực thi được.

Với Việt Nam, triều Nguyễn càng bảo thủ, ngoan cố, những ý kiến sáng suốt của các trí thức có tư tưởng tiến bộ, có ý kiến đối sách mềm dẻo, khôn khéo tạo

lực như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ v.v. cũng không được chấp nhận. Cuộc chiến tranh chống xâm lược mang truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc cũng chỉ là cách trả lời "anh hùng" nhưng không thể đem lại kết quả mà phạm trù thời đại sự so sánh lực lượng cho phép thành công.

Riêng Nhật Bản từ cuộc viếng thăm năm 1853 của Đô đốc hải quân Mỹ Perry vào vịnh Edo đưa quốc thư của Tổng thống Mỹ đòi mở cửa, và năm 1854 Perry vào Nhật, Nhật - Mỹ ký hiệp ước Kanagawa (Thần nại xuyên) ngày 31-3-1854. Người Nhật với tinh thần võ sĩ đạo cũng đã sớm nhận biết con đường chấp nhận mở cửa và xu thế nhẫn chịu, để định hướng cơ bản hiệu quả cho con đường học tập phát triển, cạnh tranh quyền lực giành chỗ đứng và tạo nên một diện mạo mới cho đất nước mặt trời. Nhật Bản phát triển đã trả lời một cách hiệu quả cho con đường "phú quốc cường binh" mà nhiều quốc gia châu Á mong muốn.

Cuộc đọ sức giữa Nhật với Trung Quốc Mãn Thanh trong cuộc chiến tranh Giáp Ngọ (1894-1895), cả hạm đội hải quân do Lý Hồng Chương và phái Dương Vụ với khát vọng "cường binh", đã bị nhấn chìm xuống eo biển Trung Quốc Triều Tiên. Hiệp ước Tân Sửu buộc Trung Quốc phải gánh chịu khoản bồi thường chiến phí lớn, mất chủ quyền ở nhiều vùng lãnh thổ cùng việc mở toang cánh cửa Trung Quốc vào sâu trong lục

địa đến tận vùng Tú Xuyên, Trùng Khánh⁵. Nhật Bản với chiến thắng đó đã làm cho người Trung Quốc ngộ ra con đường, cách học phương Tây một cách thành công của Nhật Bản.

Đến cuộc chiến tranh Nga - Nhật 1905, Nhật lại chiến thắng ngay một đế quốc lớn phương Tây. Người Trung Quốc càng thấm thía câu nói với mong ước của người Trung Quốc "Sư Di trường kỹ dĩ chế Di"(Học kỹ thuật của đế quốc phương Tây để chống lại đế quốc phương Tây) mà Trung Quốc không làm được thì người Nhật Bản đã thành công chỉ chưa đầy bốn mươi năm sau khi Minh Trị bắt đầu công cuộc Duy Tân.

Sức hấp dẫn của Nhật Bản chính là sự lựa chọn cách phát triển có hiệu quả tạo nên sức mạnh quân sự vượt qua đế quốc phương Tây và trong con mắt của các chủng tộc da vàng tạo nên niềm tin có khả năng chiến thắng. Lực hấp dẫn này của dân tộc xứ sở mặt trời thật lớn, nó tạo thành một khuynh hướng học Nhật, xem Nhật Bản như một tấm gương, điểm đến, là niềm tự hào của chủng tộc da vàng có khả năng chống lại sự xâm xé nô dịch của đế quốc phương Tây.

Phong trào Đông du đã xuất hiện ở Việt Nam và ở Trung Quốc như một hiện tượng lịch sử. Tuy nhiên hiện tượng này ở Việt Nam Trung Quốc có những điểm khác nhau. Chúng ta có thể tiến hành nghiên cứu so sánh, tìm hiểu ý nghĩa của hiện tượng lịch sử này.

II. ĐÔNG DU MỘT HIỆN TƯỢNG LỊCH SỬ ĐẢO CHIỀU TRONG QUAN HỆ GIAO LƯU VĂN HOÁ TRUNG NHẬT THỜI KỲ CẬN ĐẠI

Trong nghiên cứu giao lưu văn hoá Trung Quốc Nhật Bản có hai nhà lịch sử xuất sắc của Trường Đại học Bắc Kinh là cố giáo sư Chu Nhất Lương và giáo sư tài năng Vương Hiểu Thu. Hai giáo sư từ góc đứng là học giả Trung Quốc đã khai thác tư liệu khá toàn diện mối quan hệ này. Ta phải tính tới ba công trình sách tiêu biểu.

1. Chu Nhất Lương: *Bàn về lịch sử văn hoá Trung Nhật*. NXB Văn hoá tùng thư Giang Tây, 1990.

2. Vương Hiểu Thu: *Những ghi chép về quan hệ Trung Nhật thời kỳ cận đại*. NXB Bắc Kinh, 1987.

3. Vương Hiểu Thu, Đại Đình Thu (chủ biên): *Những quan hệ cơ bản trong lịch sử quan hệ giao lưu văn hoá Trung Nhật*, gồm 10 tập, Lịch sử là tập I: Tổng chủ biên là giáo sư Chu Nhất Lương (Trung Quốc) phụ trách phần Trung Quốc và giáo sư Trung Tây Tiến (Nhật) phụ trách phần Nhật Bản.

Trong cuốn *Bàn về lịch sử văn hoá Trung Nhật*, giáo sư Chu Nhất Lương nhấn mạnh quan hệ giao lưu học tập lẫn nhau giữa Nhật và Trung Quốc nói: "Thường thường, những nhà nghiên cứu Trung Quốc hay nói đến hai giai đoạn "đỉnh cao giao lưu văn hoá": Trung Quốc ảnh hưởng đối với người Nhật thời Tuỳ Đường, từ thế kỷ VII đến thế kỷ X và

thời kỳ ảnh hưởng văn hoá Nhật Bản đối với Trung Quốc sau thời Minh Trị từ nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX⁶.

Như ta biết trong lịch sử Việt Nam, phong trào Đông du của Việt Nam số lượng học sinh thanh niên có khoảng 200 người mà vị trí trong lịch sử Việt Nam thành một phong trào có tính lịch sử, có một vị trí quan trọng. Trung Quốc phong trào Đông du đi sang Nhật Bản mang sắc thái đa dạng và số lượng đông hàng vạn⁷ mà trong lịch sử Trung Quốc lại không dành một chương riêng, một phần riêng.

Tuy vậy Đông du của Trung Quốc về thời gian, qui mô, số lượng và tính chất đa dạng phong phú hơn.

Trung Quốc sau chiến tranh Giáp Ngọ, cuộc đọ sức Trung Quốc bị thua, Trung Quốc đã nhận thức việc Nhật Bản đã học phương Tây một cách thành công hơn. Về mọi mặt, người Trung Quốc thường nghĩ rằng mình lớn hơn, mạnh hơn, văn minh tiến bộ hơn. Nhưng sự thực trong cuộc đọ sức bị bại, làm cho người Trung Quốc tỉnh ngộ. Chiến tranh thuốc phiện với Anh; Trung Quốc nhận ra "tàu Tây đi nhanh hơn, súng Tây tốt hơn" và như ta biết vào những năm 60 - 90 thế kỷ XIX Trung Quốc đã hướng theo con đường "Dương Vụ" xây dựng nên hạm đội hải quân hiện đại đầu tiên của mình. Cuộc thử sức trong chiến tranh với Nhật Bản về vấn đề Triều Tiên, hạm thuyền của Trung Quốc đã bị nhấn chìm xuống biển Bắc. Thua trận đau đớn với khoản bồi thường chiến phí lớn tới 200 triệu lạng bạc, Trung Quốc

phải mở cửa các cảng khẩu sâu trong đất liền như Sa Thị, Trùng Khánh, Tô Châu, Hàng Châu. Nhật Bản được quyền xây dựng công xưởng ở những cảng buôn đó⁸. Hiệp ước nô dịch Mã Quan Shimonoseki 1895 làm cho người Trung Quốc tỉnh ngộ. Phong trào Đông du sang Nhật tìm hiểu học tập bắt đầu rầm rộ. Ta thấy con đường Đông du sang Nhật của người Trung Quốc có bốn loại hình:

1. *Con đường lánh nạn*. Điển hình là các chí sĩ Duy Tân Mậu Tuất Trung Quốc Khang Lương. Tầng lớp trí thức thức thời có ý đồ muốn tiến hành cải cách Duy Tân theo mô hình Nhật. Và công cuộc Duy Tân Mậu Tuất hầu như lặp lại nguyên xi mô hình Duy Tân Minh Trị. Các phe phái Duy Tân muốn thông qua lực lượng hướng tới cải cách để chống lại phe phái bảo thủ và thế lực Từ Hi Thái hậu để cải cách. Phái Duy Tân dựa vào vua Quang Tự, giống như Nhật Bản cải cách dựa vào Thiên Hoàng Minh Trị và các thế lực Duy Tân của các công quốc Satsuma, Hizen, Tosa, Chosu. Trung Quốc cũng muốn bắt đầu từ một cuộc cải cách từ trên xuống và theo chế độ quân chủ có hiến pháp, nhưng cuộc Duy Tân cải cách thất bại vì thời cơ đã qua và bản thân lực lượng cải cách yếu kém.

Cuộc trấn áp phong trào Duy Tân đã nổ ra quyết liệt, nhiều nhà Duy Tân bị giết. Khang Hữu Vi trốn về Hồng Kông sau đó chạy sang Nhật, còn Lương Khải Siêu thoát hiểm trốn vào sứ quán Nhật và may mắn gặp Ito Hirobumi đang ở sứ

quán, thời gian viếng thăm Trung Quốc nên ông đã giúp Lương trốn trên tàu chiến của hải quân đến Nhật Bản⁹.

2. *Công cuộc Duy Tân Nhật Bản đã hấp dẫn nhiều nhân vật có tri thức có uy tín, nhân vật chính quyền, làm kinh tế đến Nhật để học, để kinh doanh quản lý.*

Vào đầu những năm 90 thế kỷ XIX ta thấy Hoàng Khánh Trùng là một học giả có uy tín người Chiết Giang ông được tuần phủ An Huy Thẩm Trọng Hạ giúp đỡ năm 1893 (Quang Tự năm 19) đã đi tham quan Nhật Bản từ tháng 5 đến tháng 7, ông đã đi thăm Kobe, Yokohama, Osaka, Tokyo, Kyoto.v.v.

Trong "Nhật ký Đông du" Hoàng Khánh Trùng đã có nhận xét đáng lưu ý:

"Nhật Bản sau Duy Tân đã thực hiện hiện đại hoá. Học theo phương Tây: cải chế, tân chính, có quyết tâm, có nhiệt huyết cháy bỏng. *Phải có tinh thần quyết tâm đi tới mới Duy Tân thành công. Nếu bảo thủ do dự nhất định bị thất bại*"¹⁰

Hoàng Khánh Trùng chủ trương:

"Học chính trị và khoa học tiến bộ phương Tây, *bất chước Nhật Bản - Đừng để mất thời cơ*"¹¹.

Trong Nhật ký "Ngu Trai Đông du nhật ký", Thịnh Tuyên Hoài là điển hình của nhân vật chính trị, kinh tế, xã hội Trung Quốc Đông du để xem xét học tập Nhật Bản. Năm 1908 nghĩa là 13 năm sau chiến tranh Giáp Ngọ và 3 năm sau chiến tranh Nga Nhật, vị đại thần phụ trách thương nghiệp, bưu điện và xây dựng xưởng gang thép Hán Dã và mỏ

than Bình Hương đã đến thăm Nhật Bản. Ông đã tiếp xúc với giới chính trị, tài chính Nhật Bản. Cuộc viếng thăm của Thịnh Tuyên Hoài vì mục đích hợp tác phát triển công nghiệp nên đặc biệt được giới chính trị và các nhà doanh nghiệp kinh tế Nhật quan tâm. Ông đã gặp đại thần nội các Nhật, và gặp quan chức phụ trách vấn đề luyện gang thép Trung Thôn. Hai bên thoả thuận "và đã ký mua 1 vạn tấn thép ống của Nhật, bán 1 vạn tấn thép đúc của xưởng Hán Dương, bán cho Nhật 1 vạn tấn than của mỏ than Bình Hương. Thịnh Tuyên Hoài đã thăm các công xưởng thép của Nhật" v.v.¹². Ngoài ra, Thịnh Tuyên Hoài còn thăm xưởng đóng tàu, xưởng dệt, xưởng làm đồ sứ, khảo sát vấn đề tiền tệ, ngân hàng.

Với các đại diện chính giới ông đã thăm và trao đổi ý kiến với Okuma Shigenobu (Đại Ôi Trọng Tín), Ito Hirobumi (Y Đằng Bác Văn), thảo luận vấn đề lập hiến của Trung Quốc .v.v

3. Lưu học sinh Đông du đi học là số lượng đông nhất, chỉ riêng năm 1900 - 1905 có tới hàng vạn thanh niên Trung Quốc sang Nhật học. Số thanh niên này học đủ các ngành nghề, có loại đào tạo thời gian ngắn ngày và cũng có loại chính quy dài ngày. Trong cuốn sách "*Lịch sử du học thời cận đại của Trung Quốc*" đã nói rõ nguyên nhân làm cho số lượng lưu học sinh du học Nhật là vì: (1) Đường gần, (2) Văn hoá ngôn ngữ gần loại hình, (3) Thời gian học ngắn hiệu quả, (4) Chi phí rẻ¹³.

4. Con đường Đông du còn là con đường của những nhà cách mạng suốt cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX đến Nhật. Tiêu biểu là Tôn Dật Tiên và đồng chí của ông. Hưng Trung Hội, Quang Phục Hội đã hoạt động ở Nhật và đặc biệt Đồng minh Hội tổ chức cách mạng đã thành lập ở Tokyo vào năm 1905¹⁴

Có thể nói con đường Đông du của Trung Quốc đến Nhật Bản khá đa dạng thời gian dài, liên tục và có nhiều mặt tác động vào con đường đấu tranh yêu nước, cách mạng và phát triển kinh tế văn hoá của Trung Quốc sau này.

III. PHONG TRÀO ĐÔNG DU CỦA VIỆT NAM - SỰ KHỞI ĐẦU HY VỌNG VÀ KẾT THÚC ĐÁNG BUỒN

Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX bị Pháp xâm lược, và quá trình dần bị đô hộ của Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX cũng là thời kỳ Nhật Bản buộc phải mở cửa và nhận thức vượt lên duy tân cải cách thành nước Nhật Bản thoát hiểm bước lên con đường độc lập phú cường. Nhật Bản thành tấm gương đầy hấp dẫn của nhiều quốc gia châu Á, đặc biệt là Việt Nam. Phong trào Đông du của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX phản ánh tình hình tâm lý đó. Phong trào Đông du trong lịch sử Việt Nam về bản chất là một phong trào yêu nước. Mục tiêu của phong trào là muốn tìm một thế lực mạnh bên ngoài có thể giúp Việt Nam chống lại Pháp đang giành, giữ lấy độc lập và sau đó phát triển giàu mạnh.

Phan Bội Châu là nhà yêu nước tiêu biểu của Việt Nam đề xướng phong trào

Đông du với mục đích chủ trương của mình là "trước muốn đánh đổ người Pháp" cho Việt Nam độc lập "rồi mới bàn đến việc khác". Phong trào Đông du do Phan Bội Châu đứng đầu với mục đích "cầu Nhật đuổi Pháp"¹⁵. Nhưng chúng ta cũng nên thấy rõ mục đích chủ trương của Phan Bội Châu là không tưởng. Ngay trong thư gửi Bá tước Okuma Shigenobu (Đại Ôi Trọng Tín), Phan Bội Châu có lập luận mang đầy tính chất không tưởng "nước Việt Nam là đồng chủng, đồng văn, đồng châu" của Nhật Bản hùng mạnh là một "cường quốc" "Oai phong của nước Nhật Bản lan tràn đến tận Tây Bắc, đến tận nước Thanh, nước Nga"...

"Có lẽ nào để cho nước Việt Nam đồng chủng, đồng văn, đồng châu lại bị người Pháp dày xéo mà không đến cứu"¹⁶ một cách nghĩ quá đơn giản, thậm chí ngây thơ không tưởng. Có lẽ chính điều này làm cho Phan Chu Trinh không tán đồng chủ trương "dựa Nhật đuổi Pháp" tiến hành bạo động của Phan Bội Châu. Câu nói nổi tiếng của Phan Chu Trinh như một hệ luận lịch sử đã được chứng minh là đúng trong phạm trù điều kiện lịch sử và phạm trù không gian trên mảnh đất Việt Nam lúc này. Đó là hệ luận "Bất bạo động bạo động tắc tử, bất vọng ngoại vọng ngoại quả ngu"¹⁷. Lịch sử phong trào Đông du và kết cục của nó như ta đã biết, Phan Bội Châu và các học sinh du học đã bị trục xuất về Việt Nam và Phan Bội Châu bị Pháp bắt.

Nhưng ta cũng phải nhìn thấy tính phức tạp của quan hệ quốc tế về quyền

lợi dân tộc của khuynh hướng chính trị và quyền lực của chính quyền Nhật với chủ trương chính sách trong quan hệ quốc tế lúc bấy giờ. Bài viết của giáo sư Eto Shinkichi có một nhận định về chính quyền Minh Trị lúc bấy giờ rất biện chứng, đúng với diện mạo lịch sử, dân tộc Nhật Bản thời Minh Trị phản ánh "Tinh thần dân tộc trẻ trung rất năng động, một mặt nhìn rộng ra châu Á, nó sinh ra ý thức cho rằng giải phóng châu Á là nghĩa vụ của Nhật Bản, nhưng mặt khác, nó dễ đi vào chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi"¹⁸

Phong trào Đông du của Việt Nam còn có một mặt tác dụng rộng hơn, đó là số lượng học sinh Đông du có khoảng 200 người. Nhờ có Inukai Tsuyoshi (Khuyến Dưỡng Nghị), bá tước Okuma Shigenobu (Đại ôi Trọng Tín) đã giúp đỡ vào học ở Đông văn thư viện của Đông Á Đồng văn hội, một số ít được vào ở trường Vũ quân sự học hiệu. Những thanh niên này có người sau này đã về hoạt động cách mạng trong nước. Sự giúp đỡ phong trào Đông du của nhân dân Nhật theo con đường hữu nghị nhân dân, quan hệ cảm tình với những người cách mạng yêu nước Việt Nam là mặt tích cực. Chúng ta biết phong trào Đông du như đã nhen lửa cho phong trào thức tỉnh của dân tộc Việt Nam sau này. Ngoài việc phong trào Đông du đã để lại bài học phải vun trồng tinh thần yêu nước, truyền lửa truyền thống yêu nước cho một thế hệ nối tiếp, đào tạo những cán bộ cốt cán cho phong trào, về mặt

tinh thần, phong trào Đông du ngay cả khi bị Chính phủ Nhật cấm thì ảnh hưởng tác dụng của phong trào vẫn như còn sống trong tinh thần tự cường yêu nước của dân tộc. Nhìn gương Nhật Bản phần chí dân tộc, quyết đấu tìm đường cứu dân tộc.

Lịch sử phong trào Đông du và bài học sâu sắc của nó phản ánh tính hấp dẫn, ảnh hưởng của Nhật Bản. Nước Nhật tự cường, giàu mạnh theo con đường Duy Tân là niềm tự hào đầy hấp dẫn của chủng tộc da vàng. Đó là một chủng tộc châu Á, da vàng duy nhất có sức mạnh nhờ sự nhận thức con đường học phương Tây có hiệu quả. Là một dân tộc đã nhận thức đúng quy luật, bắt nhịp theo triều sóng của thời đại chuyển mình "thuận dòng để sống"

Phong trào Đông du ở Việt Nam bắt đầu như một hiện tượng bắt đầu một hy vọng nhưng kết thúc của nó là một bi kịch đáng "ghét" đáng "hận". Phan Bội Châu và hàng trăm học sinh Đông du bị Nhật Bản trục xuất. Phan Bội Châu buộc rời khỏi Nhật Bản và sau đó bị Pháp bắt giam lỏng ở Huế. Ngay cả người Nhật có lương tri, hiểu biết cũng đều cho rằng hành động trục xuất các nhà yêu nước và học sinh du học Việt Nam lúc bấy giờ là hành động đáng "hận" đáng "ghét". Chính phủ Nhật phải chịu trách nhiệm này trước lịch sử quan hệ Nhật Bản Việt Nam.

Về nhận định trách nhiệm của chính quyền Nhật Bản đương thời giáo sư Eto Shinkichi giáo sư danh dự Đại học Tokyo nói:

"Phong trào Đông du đã gặp khó khăn do chính sách của nhà đương cục Pháp, nhưng rõ ràng là Chính phủ Nhật Bản cũng chịu trách nhiệm liên đới đối với việc tiêu diệt phong trào Đông du. Bức thư của cụ Phan Bội Châu gửi đến Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nhật Bản thời đó là Komura Jutarō đề ngày 11 tháng 12 năm 1909 chứng tỏ phản ứng mạnh mẽ của cụ Phan đối với việc trục xuất ông Cường Để của Chính phủ Nhật Bản. Như cụ Phan nói rõ, Chính phủ Nhật Bản đã đứng trên lập trường "cường quyền" của các nước phương Tây và từ bỏ lập trường "công lý" tức là "giải phóng châu Á".

Ông đưa giả thiết "giả mà tôi là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nhật Bản thời đó" tôi sẽ có thái độ: "Chính phủ Nhật Bản mặc dù không có ý định ủng hộ hành động chống Pháp của người Việt Nam nhưng vẫn cho phép người Việt Nam đến Nhật Bản theo luật của mình"¹⁹.

Lịch sử phong trào Đông du Việt Nam đã kết thúc một cách không tốt đẹp để lại bao điều ám ức trong lòng người Việt Nam và người Nhật có thiện cảm với Việt Nam. Mặc dù vậy phong trào Đông du không mất đi hình ảnh đáng kính nể của dân tộc Nhật Bản, một chủng tộc da vàng biết chuyển mình lớn mạnh và trong cuộc đọ sức với đế quốc phương Tây, Nhật Bản đã như một niềm tin về tinh thần, sức mạnh không thua kém của người châu Á.

Việt Nam và các quốc gia châu Á hướng tới nước Nhật như một lực hấp

dẫn tự thân và điều này còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến các phong trào đấu tranh giành độc lập chống sự nô dịch của các đế quốc thực dân Âu Mỹ sau này.

Ý nghĩa lớn lao của Phong trào Đông du cũng là ở đây.

ĐÔI ĐIỀU KẾT LUẬN

Khi nghiên cứu vấn đề Đông du của Trung Quốc và Việt Nam tôi đã gặp bài viết của giáo sư Eto Shinkichi. Bài viết đã hấp dẫn tôi một cách thích thú với cách nhìn sắc sảo, lập luận biện chứng. Đó là bài "*Tính hai mặt của Nhật Bản thời Minh Trị và mối quan hệ Nhật-Việt*" trong cuốn "*Hai mươi lăm năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản 1973 - 1998*" (Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội 1999).

Cách nhìn thực tế lịch sử với tính phức tạp của nó đã phản ánh đúng tính chất sống động muôn vẻ của các sự kiện lịch sử. Khi đưa ra luận đề đầy gợi cảm "Hội chứng yêu ghét" (Love - Hate Syndrome), và "mâu thuẫn" giáo sư Eto Shinkichi đã dùng nhiều dẫn chứng lịch sử điển hình để kết luận về những thái độ và chính sách đầy mâu thuẫn của Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị, đặc biệt đối với phong trào Đông du Việt Nam.

"Rõ ràng là Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị luôn đương đầu mâu thuẫn giữa ước mơ "giải phóng châu Á" và chủ nghĩa quốc gia trên vũ đài chính trị quốc tế"²⁰

Có lẽ đây là cách nhìn sắc lạnh cần thiết của những người làm khoa học. Nói

như người Trung Quốc là "thực sự cầu thị", phải nhìn thẳng vào sự thật. Tôi liền nghĩ tới dân tộc Nhật, người Nhật đích thực đứng chân trên đảo, bốn bề là trời nước, tầm nhìn bao quát từ chỗ đứng đã tạo nên tố chất của người Nhật trong quá trình lịch sử. Họ đã tìm ra con đường đi của mình, nhìn ra được những thiếu sót, mặt mạnh, mặt yếu của dân tộc để tìm lối thoát; có lẽ chính điều đó người Nhật đã tạo nên lực hấp dẫn tự thân và kích động phong trào Đông du trong thời kỳ lịch sử cận đại. Phong trào Đông du là sản vật tất yếu của lịch sử Trung Quốc Việt Nam.

CHÚ THÍCH:

1. Đinh Xuân Lâm (chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục. Tham khảo: Phan Bội Châu với xu hướng bạo động - Từ Duy Tân hội đến phong trào Đông du, tr.137-246

2. Vương Hiểu Thu: *Cận đại Trung Quốc và thế giới*. Nxb Tử Cấm Thành, 2003 (tiếng Trung).

3. Vĩnh Sính: *Nhật Bản cận đại*. Nxb Văn hoá từng thư, 1990, tr. 109. Seiyô o manabi Seiyô ni oitsuki, Seiyô o oinuku

4. Sư Di trường kỹ dĩ chế Di

5. Tham khảo Triệu Nguyên, Trần Thụy Vân: *Trung Quốc cận đại giản sử*. Nxb Cát Lâm, 1896, tr. 40

Điều ước Mã Quan mất chủ quyền nhục quốc thể.

6. Chu Nhất Lương: *Bàn về lịch sử quan hệ văn hoá Trung Nhật*. Nxb Giang Tây 1990, tr. 3 (tiếng Trung)

7. Thư Tân Thành: *Lịch sử du học thời cận đại Trung Quốc*. Nxb Thượng Hải văn hoá, 1927. Bản chụp 1989, tr. 46 (tiếng Trung).

8. Vương Hiểu Thu: *Cận đại Trung Nhật khởi thị lục*, Bắc Kinh 1987, tr. 85-90.

9. Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu trốn thoát sang Nhật_ Vương Hiểu Thu sdd, tr. 110 - 198.

10, 11. Đông Du Nhật ký của Hoàng Khánh Trường. Theo Vương Hiểu Thu Cận đại Trung Nhật khởi thị lục. Sdd, tr. 237-238

12. Thịnh Tuyên Hoài, Ngu Trai *Đông du Nhật ký*, dẫn theo Vương Hiểu Thu Cận đại Trung Nhật Khởi thị lục, Sdd, tr. 237-241

13. Thư Tân Thành: *Lịch sử du học thời cận đại Trung Quốc*, Sdd, tr.46

14. Tôn Trung Sơn hoạt động cách mạng và Nhật Bản, Chu Nhất Lương: *Bàn về lịch sử văn hóa Trung Nhật*, Nxb Văn hoá từng thư, Giang Tây 1990, tr. 145 - 166.

15. Phan Bội Châu toàn tập VI, Nxb Thuận Hoá Huế, 1990, tr.116.

16. Phan Bội Châu toàn tập II, tr. 18.

17. Nguyễn Văn Hồng: *Mấy vấn đề lịch sử châu Á, lịch sử Việt Nam một cách nhìn*. Nxb Văn hoá dân tộc 2001, tr. 570-582.

18, 19, 20. Eto Shinkichi: *Tính hai mặt của Nhật Bản thời Minh Trị và mối quan hệ Nhật - Việt*. Hai mươi lăm năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản 1973-1998. Nxb KHXH, Hà Nội 1999, tr. 83, tr. 85-87